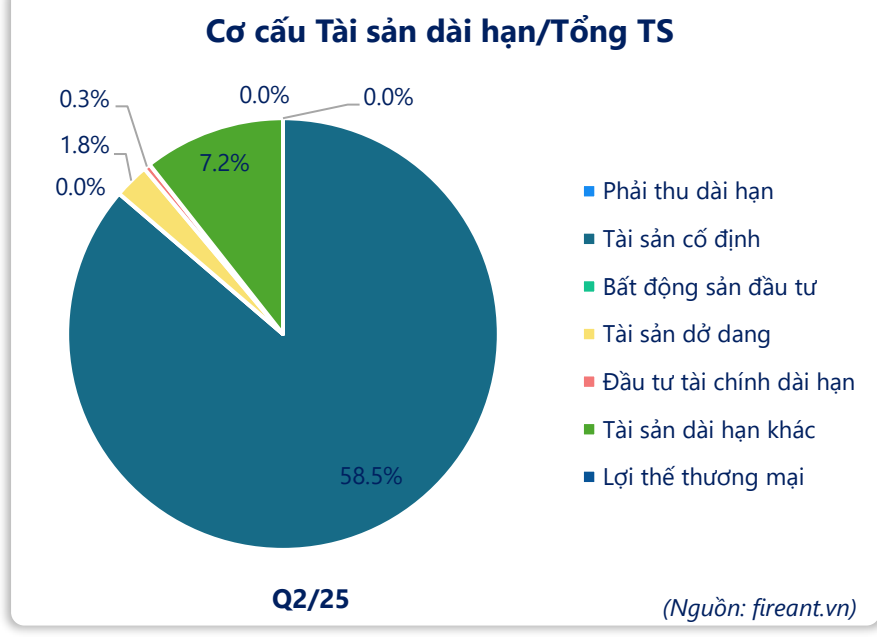
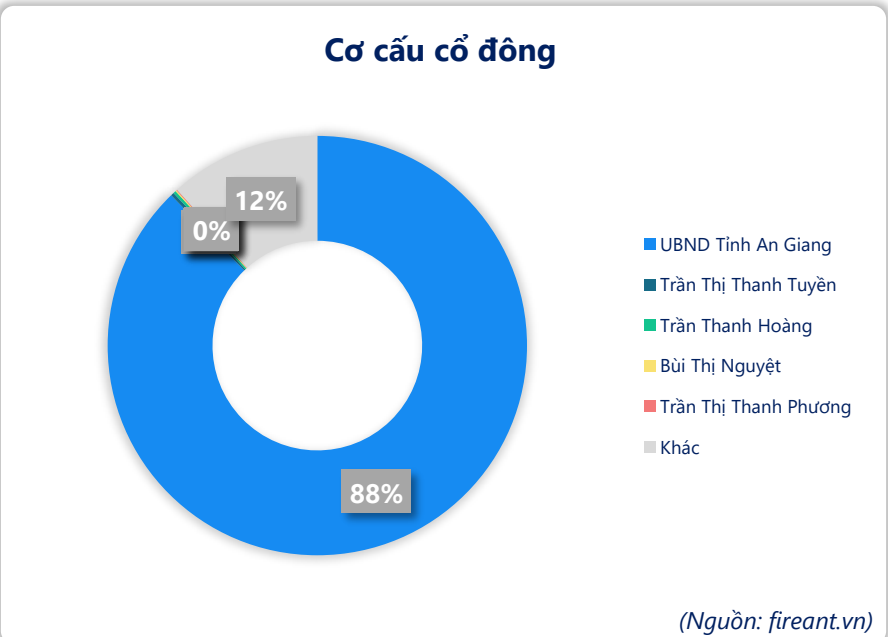
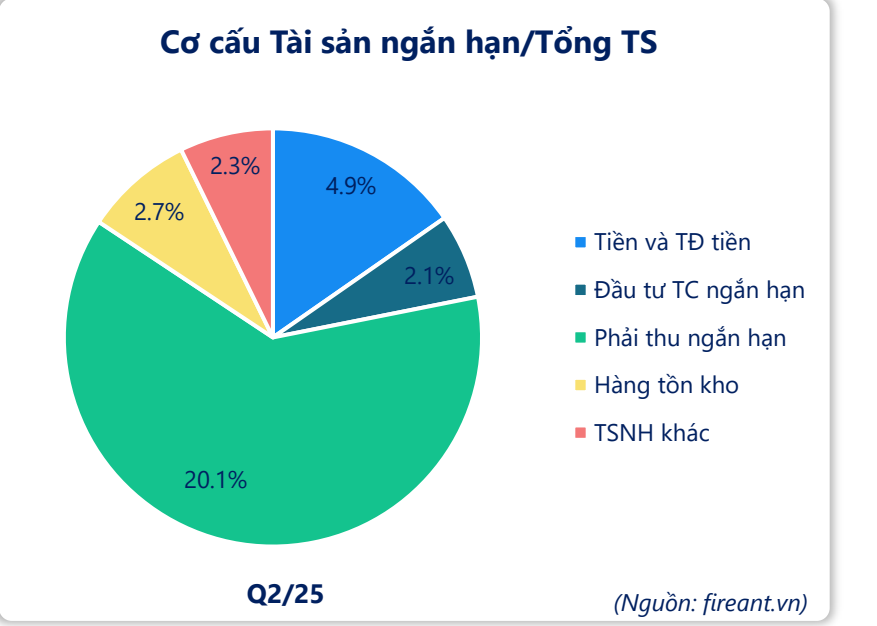
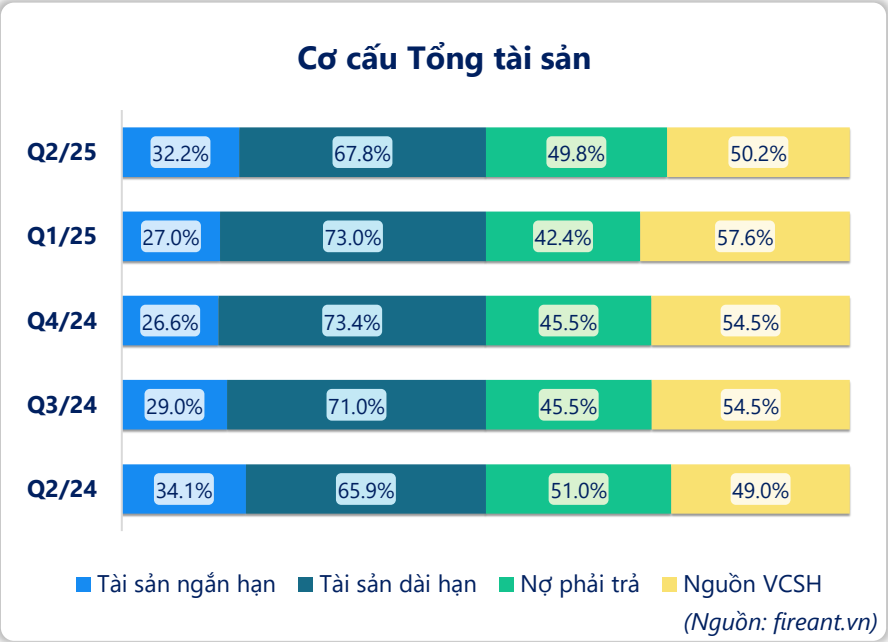
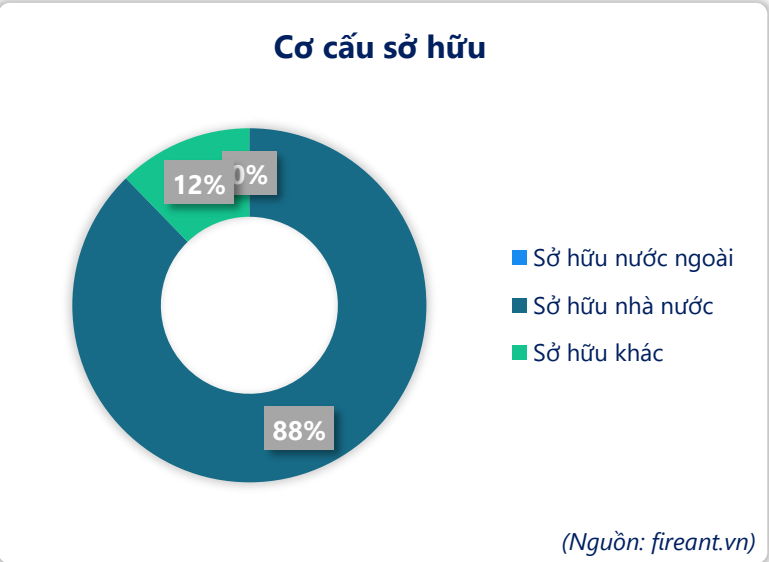
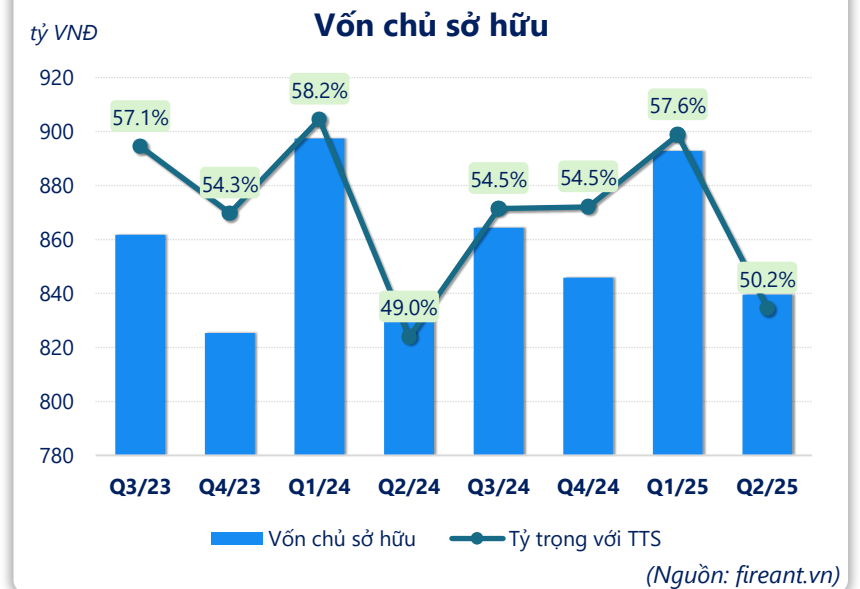
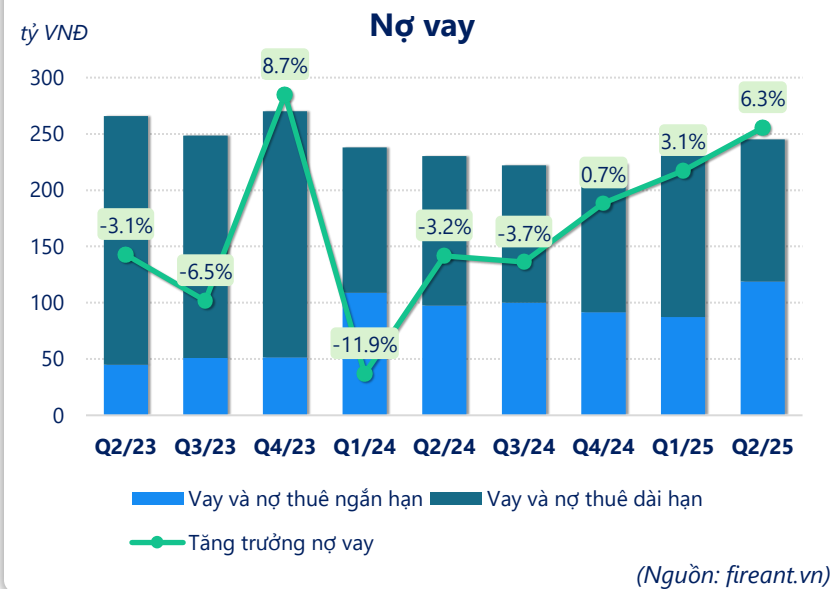
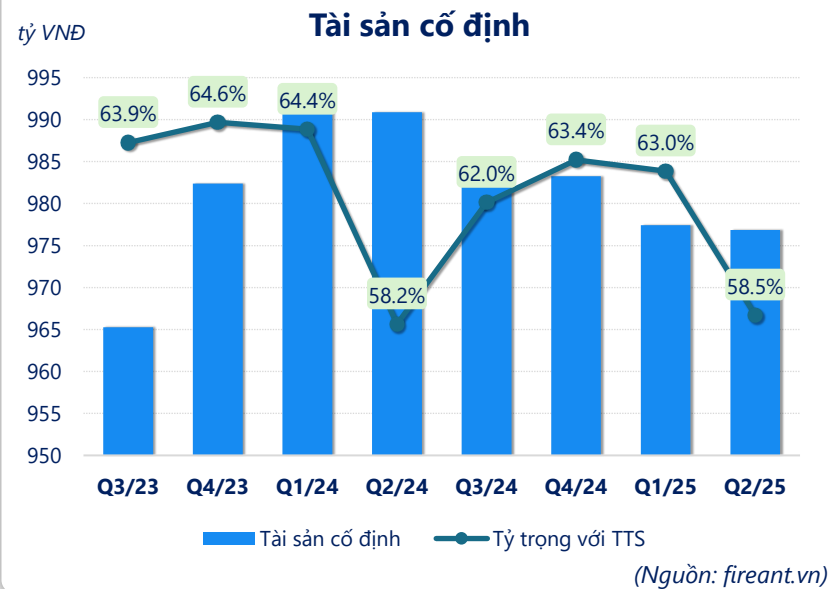
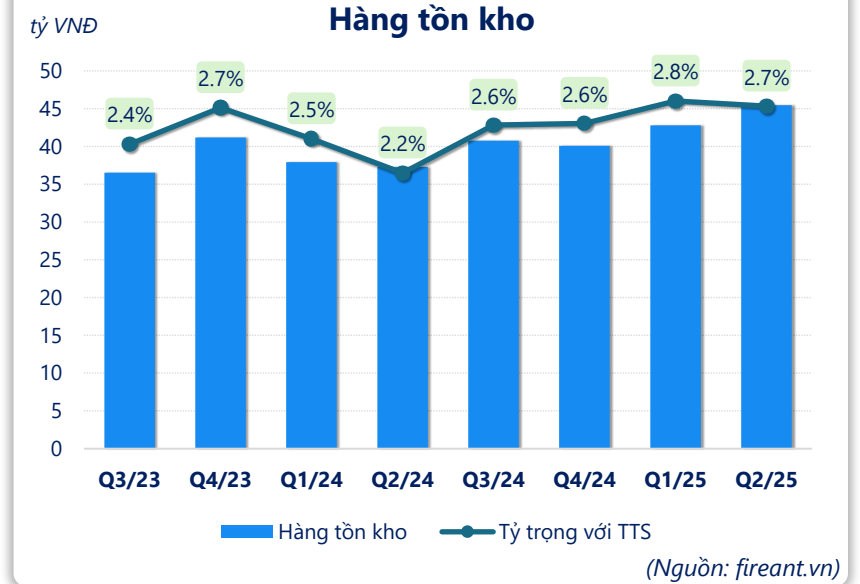
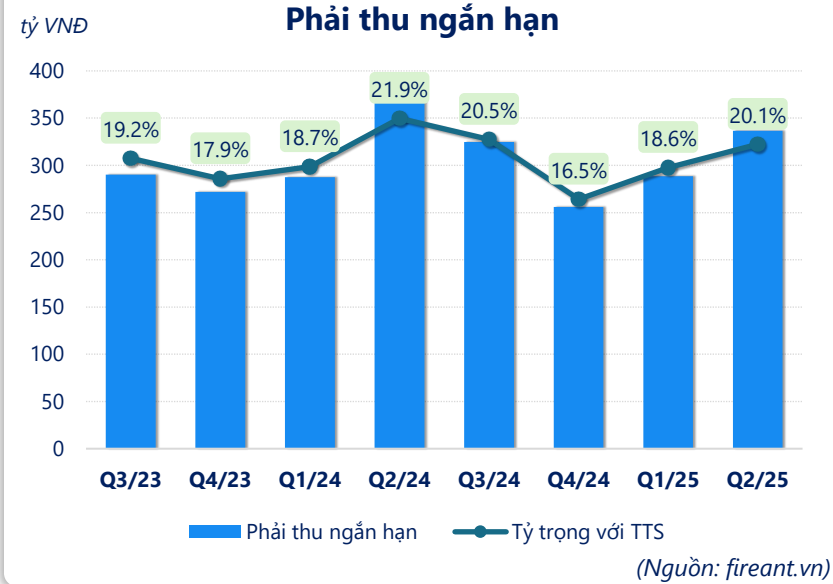
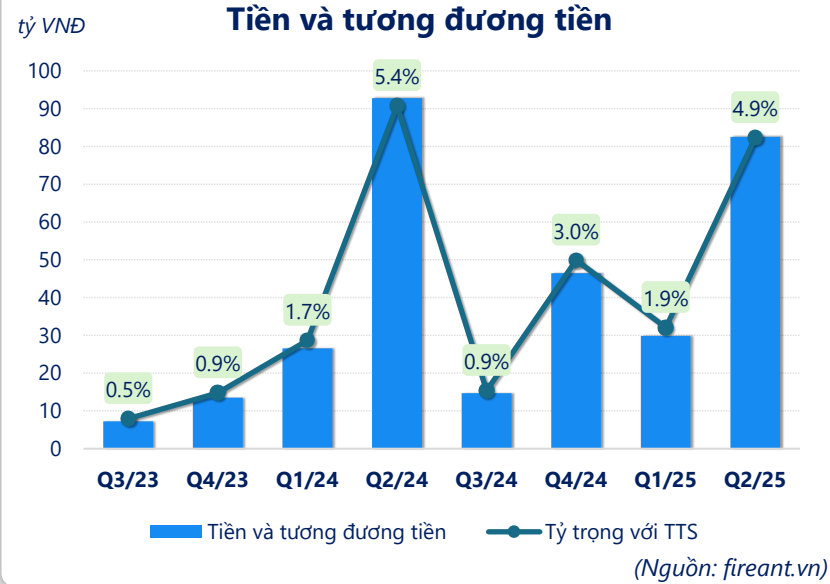
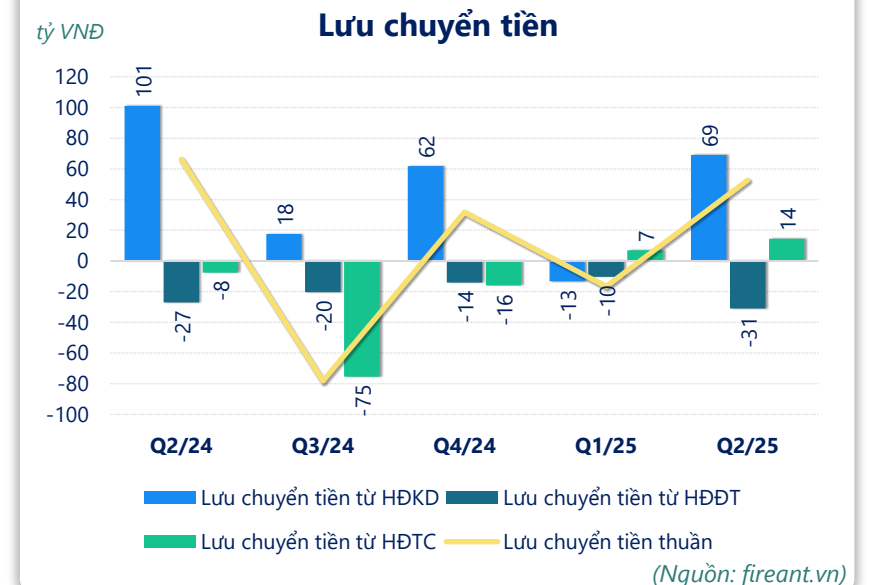
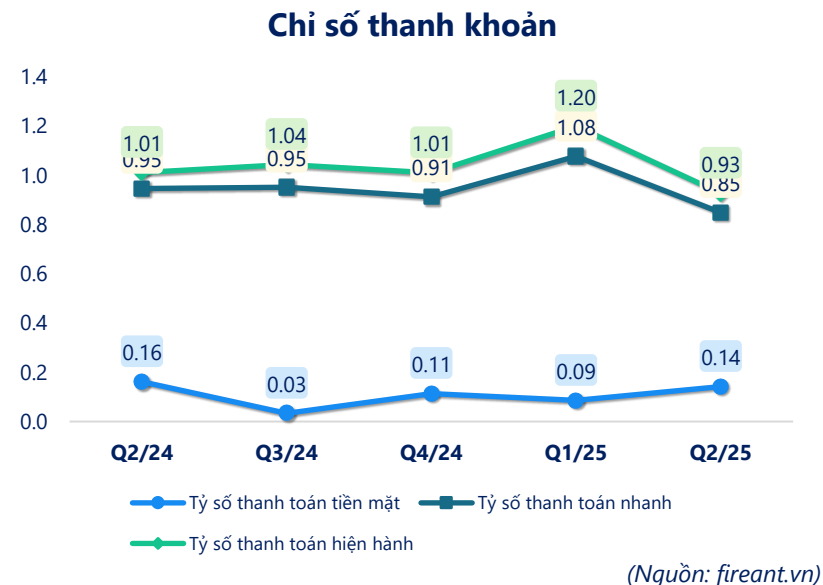
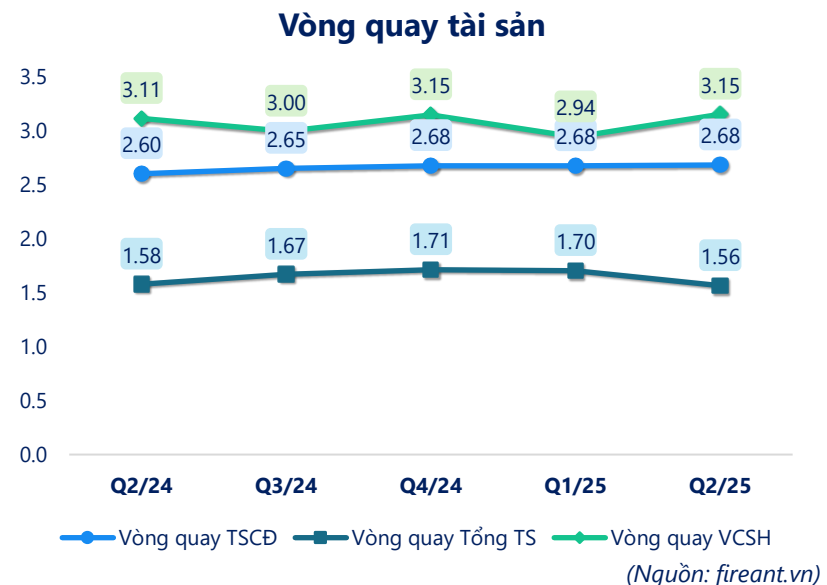
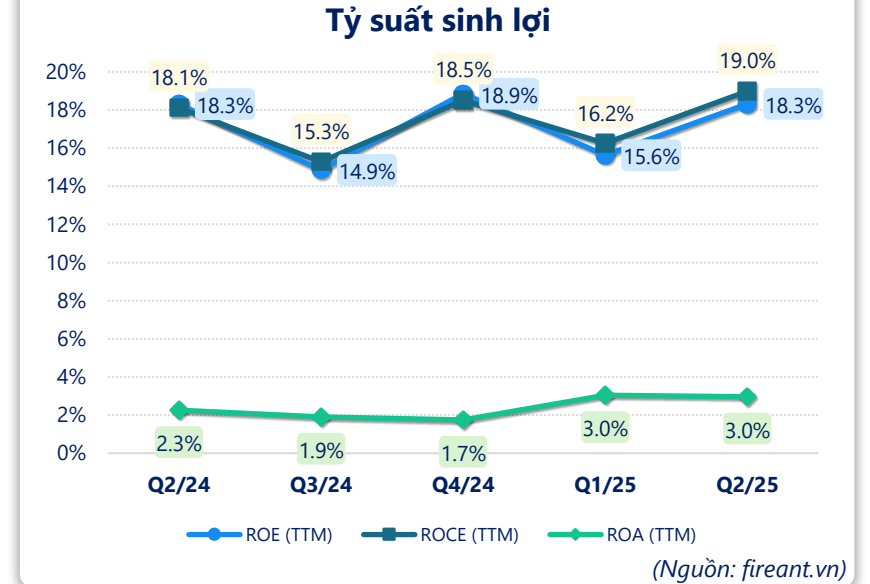
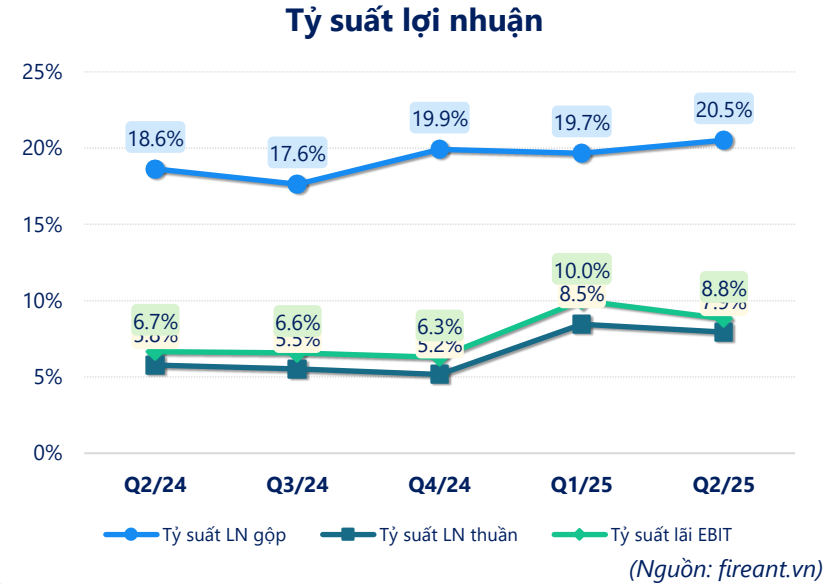
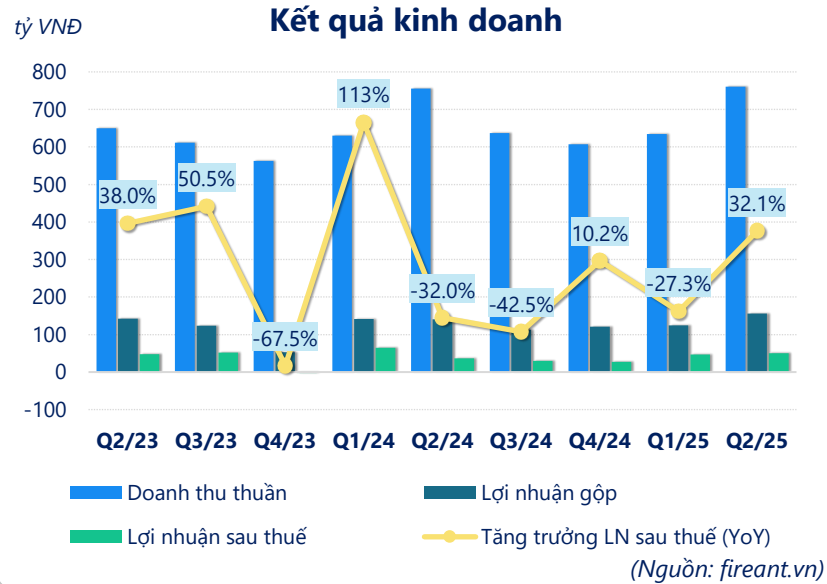


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		23,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		28,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,267
SL cổ phiếu LH		56,329,567
KLGD BQ 20 phiên (CP)		420
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,324
P/E		8.6
EPS		2,723

	YTD	1T	3T	6T
DNA	9.5%	0.7%	4.5%	9.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,671	1,551	7.7%
Tài sản ngắn hạn	539	414	30.3%
Tiền và tương đương tiền	82.5	46.5	77.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.3	45.3	-22.1%
Phải thu ngắn hạn	336	256	31.4%
Hàng tồn kho	45.5	40.1	13.4%
Tài sản ngắn hạn khác	39.0	25.7	51.9%
Tài sản dài hạn	1,132	1,138	-0.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	977	983	-0.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	29.6	24.2	22.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.58	5.58	0.0%
Tài sản dài hạn khác	120	125	-3.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	832	705	17.9%
Nợ ngắn hạn	581	408	42.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	119	91.7	29.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	211	166	27.2%
Nợ dài hạn	250	297	-15.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	126	132	-4.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	840	846	-0.7%
Vốn chủ sở hữu	840	846	-0.7%
Vốn điều lệ	563	563	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	755	637	608	634	761
Giá vốn hàng bán	615	525	487	510	605
Lợi nhuận gộp	141	112	121	125	156
Doanh thu HĐTC	0.82	0.36	1.28	0.34	0.51
Chi phí TC	4.62	4.90	4.66	4.72	4.49
Chi phí lãi vay	4.62	4.90	4.66	4.72	4.49
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	60.7	40.0	36.1	44.8	55.5
Chi phí QLDN	32.7	32.6	50.1	21.9	36.3
LN thuần từ HĐKD	43.6	35.2	31.4	53.6	60.4
Lợi nhuận khác	2.08	1.82	2.15	5.11	2.13
LN trước thuế	45.7	37.0	33.5	58.7	62.5
Lợi nhuận sau thuế	36.6	29.6	26.8	47.0	50.0
LNST của CĐ cty mẹ	36.6	29.6	26.8	47.0	50.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	101	17.6	61.9	-13.2	69.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-27.1	-20.4	-14.1	-10.4	-30.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.61	-75.3	-16.0	6.96	14.5
Tiền đầu kỳ	26.5	92.8	14.7	46.5	29.8
Lưu chuyển tiền thuần	66.3	-78.1	31.8	-16.6	52.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	92.8	14.7	46.5	29.8	82.5

(Nguồn: fireant.vn)